

TU HOA NGHIÊM ÁO CHỈ VỌNG TẬN HOÀN NGUYÊN QUÁN

Người giảng: Lão Pháp Sư Tịnh Không

Tập 44

Xin chào các vị pháp sư, các vị đồng tu, xin mời ngồi!

Mời xem “Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán”, Kinh văn tờ thứ bảy, hàng thứ hai sau cùng: “*Tức tam thân tức thập thân*”.

Lần này chúng ta học tập là chọn “Hoa Nghiêm Đại Sớ”. Đại sư Thanh Lương đã nói: “*Dung tam thế gian thập thân*”. Chúng ta đã học qua thân thứ năm là Độc Giác. Hôm nay chúng ta tiếp tục xem thứ sáu: “Bồ Tát Thân”.

Thứ sáu, Bồ Tát Thân

“*Bồ Tát, Phạm ngữ cụ vân*”. “Cụ” là cụ túc, chính là danh hiệu của hoàn toàn, gọi là “Bồ Đề Tát Đỏa”. Người Trung Quốc ưa thích đơn giản, đem chữ “Đề” của Bồ Đề và chữ “Đỏa” của Tát Đỏa tỉnh lược đi ngữ âm, gọi thành Bồ Tát. Phải nên gọi là Bồ Đề Tát Đỏa. Nếu nói Bồ Tát thì người Ấn Độ xưa không hiểu, nói Bồ Đề Tát Đỏa thì họ hiểu. Đây là Phạm ngữ, ý nghĩa là “Giác Hữu Tình”. “Hoa” là Trung Quốc, chúng ta là Trung Hoa, ý nghĩa của Trung Hoa là “Giác Hữu Tình”. Phiên dịch là việc không dễ dàng.

Thế Tôn năm xưa cả đời bốn mươi chín năm dạy học nói pháp không có viết thành văn tự. Ấn Độ có văn tự, nhưng không viết thành văn tự, chỉ giảng giải bằng miệng, học trò nêu ra vấn đề, vấn đáp. Mãi đến sau khi Phật Đà diệt độ, những học trò (như Đại Ca Diếp, A Nan) các Ngài phát khởi, hy vọng đem tất cả pháp mà cả đời Phật Đà nói ra ghi chép thành văn tự. Đây là công trình rất lớn. Các vị tưởng tượng xem, bốn mươi chín năm đã nói ghi chép ra quyết không phải là nguyên văn của Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói. Khi Phật sắp tịch diệt, nói với chúng ta Tứ Y Pháp. Tứ Y Pháp này chính là chuẩn tắc.

Tứ Y Pháp, thứ nhất là “*Y Pháp Bất Y Nhân*”. Thực tế mà nói, điều này ngay đến chính Thích Ca Mâu Ni Phật cũng tuân thủ. Pháp là gì vậy? Pháp là pháp tánh, là pháp tướng. Pháp tánh là bản thể, pháp tướng là hiện tượng, nó còn có tác dụng. Bạn xem trên đề Kinh “Kinh Hoa Nghiêm”, “Đại Phương Quảng” chính là nói cái ý này. “Đại” là nói pháp tánh, “Phương” là nói pháp tướng, “Quảng” là nói tác dụng: có thể, có tướng, có dụng. Phật vì sao phải tôn trọng nguyên tắc này? Không thể tùy tiện nói bừa, nhất định phải tương ứng với “tướng-thể-dụng”

thì mới là chánh pháp. Nếu như trái với “tướng-thể-dụng” thì đó chính là tà pháp, không gọi là chánh pháp. Tùy thuận “tướng-thể-dụng” là tùy thuận tánh đức. Phật nói là từ trong tánh đức tự nhiên mà lưu xuất ra, đây chính là y pháp bất y nhân, không phải Phật tùy tiện nói.

Thứ hai là “*Y Nghĩa Bất Y Ngữ*”. Câu nói này là sống, quan trọng. Quan trọng là muốn chúng ta nương theo ý của Ngài, không nhất định nương theo ngôn ngữ của Ngài. Ngôn ngữ của Ngài nói được nhiều, nói được ít không quan hệ; nói cạn nói sâu nói dài nói ngắn không quan hệ, chúng ta nương theo cái ý của Ngài. Ý nghĩa đúng thì được. Do đây chúng ta có thể biết, khi kết tập Kinh Tạng nhất định tuân thủ nguyên tắc “*y nghĩa bất y ngữ*” này.

Thứ ba là “*Y Liễu Nghĩa Bất Y Bất Liễu Nghĩa*”. Thế nào gọi là “liễu nghĩa”? Khế cơ khế lý thì gọi là liễu nghĩa. Nếu như nói là khế cơ; khế cơ là mọi người nghe rồi rất hoan hỷ, nhưng nếu như trái với tánh đức thì đây không phải là chánh giáo. Ngày nay bạn dạy người sát đạo dâm vọng; sát đạo dâm vọng là trái với tánh đức, thế nhưng người ưa thích rất nhiều, đây không phải là chánh giáo. Nếu như khế lý không khế cơ, nói ra là Phật nói, không sai, nói ra là đạo lý nhưng người nghe không hiểu, người không thể thấu triệt tường tận thì đương nhiên họ càng không chịu bằng lòng học tập. Đây tuy không phải tà giáo, cũng được xem là chánh giáo, nhưng chúng sanh không được lợi ích, Phật đều không cho phép. Cho nên Thế Tôn chính mình khi còn ở đời cũng là như vậy, dạy Bồ Tát nhất định phải tùy thuận tánh đức, nói ra rất rõ ràng, sẽ không nói quá cao, để người thông thường đều có thể hiểu được.

Phiên dịch Kinh Phật cũng phải tuân thủ nguyên tắc này. Chúng ta hiểu được năm xưa kết tập Kinh Tạng như thế nào rồi thì sẽ không hoài nghi, cho nên kết tập quyết định là chính xác. Hơn nữa kết tập là đại chúng cùng nhau làm. Kết tập lần thứ nhất có năm trăm vị đại A La Hán. Tôn Giả A Nan là đa văn đệ nhất ngay trong đệ tử Phật. Thế Tôn bốn mươi chín năm nói ra tất cả Kinh, A Nan thấy đều nghe. Chúng ta biết, ngày Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo là ngày A Nan sinh ra. Hai mươi tuổi A Nan làm Thị giả của Phật, hay nói cách khác, Thế Tôn nói pháp hai mươi năm đầu Tôn Giả A Nan chưa nghe, thì làm sao có thể nói Tôn Giả A Nan thấy đều nghe hết? Tuy là hai mươi năm đó Tôn Giả A Nan chưa nghe được những đại ý đã nói ra, Thế Tôn dùng thời gian rảnh trong sinh hoạt thấy đều nói với A Nan ngày trước người nào nêu câu hỏi, người nào có vấn đề, giống như là kể chuyện cho nghe vậy, thế là Tôn Giả A Nan toàn bộ đều nghe hết. Sức ghi nhớ của Ngài đặc biệt tốt, đích thực có thể sánh được với máy ghi âm của hiện

tại chúng ta. Nghe một lần thì cả đời của Ngài đều không quên, chúng ta gọi là thiên tài đặc biệt. Vì thế, khi kết tập Kinh Tạng, mọi người mời A Nan thăng tòa, đem những gì Phật đã nói trùng tuyên lại một lần cho đại chúng mọi người cùng nghe. Ngài giảng lại, tuyệt đối không có ý riêng của A Nan. Kinh văn vừa mở đầu là “*Như thị ngã văn*”; “*như thị*” chính là đúng như vậy, Phật nói ra là đúng như vậy; “*tôi*” đích thân nghe Phật nói. Trùng tuyên nói ra, mọi người mới tin tưởng. Đồng thời năm trăm A La Hán đều là chúng thường tùy của Phật đều đến nghe, làm chứng minh cho đại chúng đời sau là A Nan nói không hề sai. Họ nghe nghiêm khắc đến mức độ nào vậy? Năm trăm người đều gập đầu đồng ý thì mới có thể viết ra thành Kinh điển. Ngay trong năm trăm người có một người phản đối, nói A Nan lời nói này tôi chưa nghe qua, tôi không biết, thì lời nói này của A Nan sẽ không được viết lại. Một người phản đối thì không được phép ghi lại. Cho nên kết tập Kinh Tạng rất là nghiêm khắc, không phải là tùy tiện. Không nghiêm khắc như vậy thì làm sao lấy được lòng tin đối với đời sau? Người ngàn năm vạn thế mở Kinh Phật ra sẽ không hoài nghi đối với Kinh Phật.

Bạn hiểu được việc kết tập Kinh Tạng này mới biết Kinh điển truyền đến Trung Quốc phiên dịch cũng rất là cẩn thận. Vào thời đó, làm công tác phiên dịch phải nhờ vào hỗ trợ của quốc gia. Tự viện xây dựng sớm nhất, công việc chủ yếu chính là phiên dịch Kinh điển, giải thích Kinh điển, chỉ đạo tu hành, cho nên đây là học thuật. Giống như Biên Dịch Quán của hiện tại chúng ta, tính chất như vậy, là trường học, không hề có liên quan với tự miếu, với tôn giáo. Thời kỳ phiên dịch thịnh nhất là Tùy Đường, Kinh điển số lượng lớn đều được phiên dịch. Đến triều Tống thì số lượng rất ít. Sau nhà Tống thì không còn. Cho nên chúng ta phải biết, người trẻ ở thế hệ chúng ta phiên dịch có người hoài nghi, vì sao vậy? Tiếp nhận một số khái niệm của Phương Tây, làm sao có thể đem toàn bộ nguyên văn mà dịch ra được. Bạn không tin thì thử nghiệm xem, đem văn chương cổ văn “*Cổ Văn Quán Chỉ*” của Trung Quốc dịch ra thành văn bạch thoại, việc này so với dịch Kinh thì dễ dàng hơn nhiều, nhưng nghĩa lý của nó thì không thể dịch ra được, dịch được tốt hơn cũng không phải là nguyên văn. Việc này chính chúng ta đã trải qua, chúng ta biết được.

Năm xưa tôi học Kinh giáo với Lão sư Lý, tôi liền nêu ra nghi hoặc, tôi đem cổ văn, văn ngôn văn dịch thành văn bạch thoại. Lão sư mỉm cười, Ngài nói Phật pháp không như thế gian pháp, câu đầu tiên nói với tôi không giống nhau. Thế gian đích thực bạn thấy, người viết văn chương như Hàn Dũ, bạn có thể hiểu được ý của Hàn Dũ hay không? Thơ của Lý Bạch viết, bạn có thể hiểu được cảnh ý của

ông không? Bạn không hiểu được ý của ông, bạn làm sao có thể hoàn toàn hiểu được những gì ông muốn nói mà dịch ra? Sau cùng lão sư nói, ý của tôi ông có hiểu được hay không? Đây là thật. Phật pháp tại vì sao không giống như thế gian pháp? Phật pháp không có ý, thì ra nó vốn là như vậy, chẳng phải nói vô ngữ hay sao? Vô ngữ; “*vô chúng sanh, vô thọ giả*”, nó không có ý. Không có ý thì người dịch Kinh cũng không có ý, vậy thì họ liền có thể hiểu được ý của Phật. Chúng ta có ý thì khó phiên dịch, không có ý thì dễ phiên dịch. Cho nên lão sư nói với tôi, chúng ta là người có phước báo, nhân duyên đặc thù.

Những đại đức dịch Kinh từ xưa đến nay, chỉ ít phải từ quả thứ ba trở lên, tức là Tư Đà Hàm, trong “Kinh Hoa Nghiêm” mà nói thì là “tứ tín, ngũ tín” trong Thập Tín Vị. Đạt đến cảnh giới này. Huống hồ chủ tọa ở trong mỗi dịch trường đều là chư Phật Bồ Tát, Pháp Thân Đại Sĩ ứng hóa đến. Tuy là họ không bộc lộ thân phận, nhưng người học Phật chúng ta có thể khẳng định. Bạn xem thấy mười thân thì liền biết được “*chúng sanh có cảm họ liền có ứng*”. Các Ngài đến trụ trì dịch trường này thì làm gì có dịch sai chứ! Bao gồm tất cả những người phiên dịch đều là chứng quả, chỉ ít cũng là người trên Tu Đà Hoàn, hay nói cách khác họ chân thật vào cửa. Chúng ta biết, trên “Kinh Kim Cang” nói Tu Đà Hoàn phá bốn tướng: “*Vô ngữ tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, họ mới có thể chứng được quả Tu Đà Hoàn. Trên “Kinh Hoa Nghiêm” nói Bồ Tát Sơ Tín Vị, đó không phải người phàm. Lão sư nói với chúng tôi như vậy, chúng ta mới không còn hoài nghi đối với Kinh điển phiên dịch.

Hoài nghi là đại phiền não, chỉ cần bạn có nghi, cả đời bạn sẽ không khai ngộ. Vì sao vậy? Nghi là căn bản phiền não. “*Tham-sân-si-mạn-nghi*”. “Nghi” này là hoài nghi đối với giáo huấn của cổ Thánh tiên Hiền. Không thể thành tín thì bạn không được lợi ích. Hiện tại người thời đại này phiền phức càng to, không được giáo dục truyền thống thời gian quá lâu, bốn đời đến năm đời, bị giá trị quan văn hóa Phương Tây ô nhiễm rất nghiêm trọng. Nhất là thái độ của khoa học, chính là hoài nghi, sau đó cầu chứng. Chúng ta đem ra thứ của người xưa đều tin tưởng, không hoài nghi chút nào, đây là không hợp với tư tưởng khoa học. Quan niệm như vậy thì hoàn toàn bài trừ đối với giáo huấn của cổ Thánh tiên Hiền. Bài trừ rồi thì bạn phải chịu những tai nạn trước mắt. Nếu như có thể y theo giáo huấn của cổ Thánh tiên Hiền, tai nạn thế giới ngày nay có thể hóa giải.

Thực tế mà nói không quá sâu. Tôi thường nói, nếu trên thế giới này không có đối lập, không có xung đột, an định hòa bình thì ba nền tảng “*Nho-Thích-Đạo*” có thể làm đến được. Nhà Nho là “Đệ Tử Quy”, Đạo gia là “Thái Thượng Cầm

Ứng Thiên”, nhà Phật là “Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh”. Ba gốc căn bản này có thể phổ cập đến giáo dục toàn dân thì thiên hạ thái bình. Trong nước chúng ta đã làm thí nghiệm ở trấn nhỏ Thang Trì Lô Giang An Huy. Thí nghiệm này đã làm được ba năm, chỉ dùng “Đệ Tử Quy”, làm được rất thành công. Dùng cái gì để làm cương lĩnh? “*Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức*”.

Ngũ luân là nói quan hệ người với người (quan hệ cha con, vợ chồng, quân thân, anh em, bạn bè). Nếu như xử lý tốt mỗi quan hệ này, đây là ngũ thường. Thường là cái gì? Thường đạo. Thường là không thể nào rời khỏi. Bạn từ sớm đến tối khởi tâm động niệm, bạn phải dùng năm chữ “*nhân-lễ-nghĩa-trí-tín*” làm tiêu chuẩn, giống năm giới của Phật pháp. Thường đạo chính là đại đạo, hoàn toàn là tùy thuận tánh đức. Nhân ở trong năm giới là không sát sanh (nhân), không trộm cắp (nghĩa), không tà dâm (lễ), không uống rượu (trí), không vọng ngữ (tín); “*nhân-lễ-nghĩa-trí-tín*”.

Tứ Duy là “*lễ nghĩa liêm sỉ*”. Bát đức là “*trung hiếu nhân ái, tín nghĩa hòa bình*”. Nếu như phổ cập loại giáo dục này, người người đều tường tận, người người đều tuân thủ, xã hội này hài hòa an định, thế giới hòa thuận.

Chúng ta dùng ba loại giáo dục này chân thật làm cho mỗi một người đều có thể hưởng được nhân sanh hạnh phúc mỹ mãn, liền có thể thành công.

Năm 2002, lần đầu tiên tôi đại diện cho Trường Đại học Úc Châu tham gia Hội Nghị Hòa Bình của Liên Hiệp Quốc. Tôi tham gia mười mấy lần. Tôi chính mắt xem thấy, rất nhiều chuyên gia học giả, còn có rất nhiều lãnh đạo quốc gia chân thật có tâm, nhưng không tìm ra phương pháp. Chúng ta tham dự, đem phương pháp của lão tổ tông của chúng ta nói ra. Phương pháp này của chúng ta thực tiễn ở Trung Quốc đã 5.000 năm. Thời gian của 5.000 năm không xem là ngắn, cũng có thể là chứng nghiệm của lịch sử, nói rõ trí tuệ, phương pháp, kinh nghiệm, hiệu quả của lão tổ tông chúng ta. Mọi người nghe rồi rất hoan hỉ, thế nhưng họ có nghi hoặc. Nghi hoặc này là gì vậy? Khái niệm của tinh thần khoa học. Hồi sau, khi chúng tôi cùng nhau ăn cơm nói chuyện, có rất nhiều người hỏi tôi: “*Pháp sư à! Ngài nói rất hay, đó là lý tưởng, không làm được*”. Sau khi tôi nghe lời nói này cảm thấy thật là đáng sợ, vì sao vậy? Lòng tin không có, họ hoài nghi không tin tưởng. Chúng ta muốn giúp họ xây dựng lòng tin thì không gì khác là phải làm ra kiểu dáng để họ xem. Cho nên chúng ta chọn ra một trấn nhỏ ở Thang Trì để làm thí nghiệm, làm thời gian ngắn, rất thành công. Đại khái ba đến

bốn tháng thì thí nghiệm thành công. Tôi rất là kinh ngạc! Vào lúc đó tôi nói ra mấy câu.

Thứ nhất, thông qua thực nghiệm này chứng minh hai câu nói phía trước trong Tam Tự Kinh “*nhân chi sơ, tánh bổn thiện*”, chứng minh tánh người vốn thiện. Không có người dạy họ, họ học hư; nếu có người dạy họ, họ sẽ hồi đầu rất nhanh, lương tâm của họ sẽ trỗi dậy. Thứ hai, nhân dân làm thế nào dạy tốt được như vậy? Vượt ngoài dự tính. Hàm nghĩa trong hai câu nói này rất sâu, hóa giải thiên tai nhân họa ngày nay. Dùng phương pháp này có thể làm đến được. Đây không phải là lý tưởng. Không luận ở một khu vực nào, không luận ở thời đại nào, đây là tánh đức, từ trong tự tánh lưu xuất ra. Nó siêu việt thời gian, siêu việt không gian, giống y như Kinh Phật. Kinh Phật là siêu việt thời không. Không luận ở nơi nào, bạn đến học tập đều được lợi ích. Khi Phật Đà còn ở đời dạy học, người y giáo phụng hành được lợi ích. Ngày nay cách Phật 3.000 năm, người ngày nay y giáo phụng hành, không hoài nghi chút nào, lợi ích có được so với khi Phật còn tại thế không hề khác nhau.

Trung Quốc dịch Kinh có tân cựu hai phái. Hai phái này lấy Đại sư Huyền Trang làm chuẩn mực. Trước Đại sư Huyền Trang gọi là cựu dịch, người xưa phiên dịch. Đại sư Huyền Trang gọi là tân dịch.

Tân dịch thì dịch Bồ Tát là: “*Giác hữu tình*”, đây là Đại sư Huyền Trang phiên dịch. Trước Đại sư Huyền Trang không phải dịch vậy, mà dịch là: “*Đại đạo tâm chúng sanh*”. “Đại đạo tâm” chính là giác, “chúng sanh” chính là hữu tình. Do đây có thể biết, Phật không hữu tình, Phật là trí tuệ. Tình và trí là một sự việc, khi giác thì tình biến thành trí, khi mê thì trí biến thành tình. Tình là phiền não. Bồ Tát tuy là giác ngộ, tình của họ chưa đoạn được sạch, họ vẫn còn chấp trước có tình, cho nên gọi chúng sanh hữu tình giác ngộ rồi, hay Bồ Tát. Người xưa dịch “*đại đạo tâm*”, cũng dịch được hay, chính là có tâm Bồ Đề. “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ, pháp môn vô lượng thế nguyện học*”, đây là chúng sanh đại đạo tâm. Đây là hai ý nghĩa của Bồ Đề Tát Đỏa. Trên thực tế cổ kim phiên dịch ý nghĩa như nhau, dùng từ không giống nhau.

Chỗ này nói với chúng ta: “***Vị Bồ Tát ư hữu tình chúng sanh chi trung***”. Bồ Tát, danh từ này trong giáo dục của Phật đà, dùng lời hiện tại của chúng ta mà nói, gọi là Phật. Phật là bậc thầy, Bồ Tát là học trò, cho nên Bồ Tát có lớn nhỏ không giống nhau. Bạn thấy học sinh tiểu học, học sinh trung học, học sinh đại học, đến nghiên cứu sinh vẫn là học trò. Bồ Tát giống như xưng hô của học trò

vậy. Trong “Kinh Hoa Nghiêm” chúng ta xem thấy, Bồ Tát có năm mươi một giai cấp. Thập Tín giống như Tiểu học của Phật giáo. Sơ Tín Vị Bồ Tát, Nhị Tín Vị Bồ Tát, mãi đến Thập Tín Vị Bồ Tát, đây là học sinh Tiểu học Phật giáo, gọi là Bồ Tát. Thập Trụ giống như Sơ Trung, Thập Hạnh giống như Cao Trung, Thập Hồi Hướng là Đại Học, Thập Địa giống Nghiên Cứu Sinh, Đẳng Giác giống lớp Tiến sĩ, đều là học trò, đều gọi là Bồ Tát. Bồ Tát tốt nghiệp rồi, học vị Tiến Sĩ lấy được tốt nghiệp rồi, gọi là Phật, đó chính là bậc thầy. Cho nên các đồng tu nhất định phải biết. Bồ Tát dùng lời hiện tại mà nói là học trò. A La Hán cũng là học trò, thế nhưng A La Hán có một ý nghĩa khác.

A La Hán dịch là vô học; “A” dịch là vô, “La Hán” là học, họ tốt nghiệp tiểu học rồi. Tốt nghiệp tiểu học ở lại tiểu học thì không có chỗ học tiếp, cho nên gọi là Tiểu thừa A La Hán. Trong Phật Kinh thường hay gọi A La Hán là đại A La Hán. Đại A La Hán là đại học A La Hán, là chỉ ai? Bồ Tát Thập hồi hướng, hoặc giả là Bồ Tát thập địa. Thông thường đều nói thập địa Bồ Tát gọi là đại A La Hán, không cần học nữa, đại thừa học xong, tốt nghiệp rồi. Cho nên A La Hán là tu học viên mãn, là một giai đoạn. Tu học viên mãn đều gọi là A La Hán. Danh từ thuật ngữ phải hiểu cho tường tận. Phật, Bồ Tát, A La Hán, các Ngài không phải là thần, cũng không phải là tiên, họ là người. Ba bậc này là danh xưng học vị trong nhà Phật. Học vị cao nhất là Phật Đà, học vị thứ hai Bồ Tát, học vị thứ ba là A La Hán.

Tiểu thừa A La Hán so sánh với Đại thừa, thì Bồ Tát đẳng cấp nào bình đẳng với họ? Trên “Kinh Hoa Nghiêm” nói được rất rõ ràng “Thất Tín Vị”. Hay nói cách khác, Tiểu thừa A La Hán so sánh với Bồ Tát Đại thừa Sơ Tín, Nhị Tín, Tam Tín, mãi đến Lục Tín đều không bằng họ, Thất Tín mới bằng được họ. Bát Tín thì vượt qua họ. Cho nên Sơ Quả Tiểu thừa cùng với Bồ Tát Sơ Tín Vị Đại Thừa là bình đẳng, Tiểu Thừa năm thứ nhất, địa vị của họ là bình đẳng. Thế nhưng trí tuệ không như nhau, công phu đoạn phiền não cũng giống nhau, đều là đoạn tám mươi tám phẩm kiến hoặc. Đại Thừa thông minh hơn Tiểu thừa, tâm lượng lớn hơn so với Tiểu Thừa. Đây là nói Bồ Tát ở trong chúng sanh hữu tình.

Bồ Tát thì nhiều, nhưng tầng thứ không giống nhau, rất nhiều giai cấp. Chỗ ngay chúng ta gọi là Bồ Tát chân thật, không phải là giả. Có giả hay không vậy? Có! Không thể nói là giả, nói là gì vậy? Nói gần giống như Bồ Tát. Họ tu Bồ Tát đạo, cũng phát tâm Bồ Đề tu Bồ Tát đạo, thế nhưng phiền não chưa đoạn. Bạn thấy chúng ta hiện tại cũng tu Tam phước, cũng tu Lục Hòa, cũng tu Sáu Ba La Mật, đây không phải là tu Bồ Tát đạo hay sao? Thậm chí còn học Phổ Hiền mười

nguyện, thế nhưng tu được như thế nào vậy? Đi thi thì đều không đủ điểm. Không thể nói không có, sáu mươi điểm xem là đạt chuẩn, nhưng chúng ta thi chỉ được mười mấy điểm, hai mươi mấy điểm. Chỗ này trong Phật pháp gọi là Tương tợ Bồ Tát, giống như Bồ Tát, không phải là Bồ Tát thật. Loại người này thì nhiều, quá nhiều. Bạn thấy hiện tại thọ Bồ Tát giới, người ta chấp tay gọi là lão Bồ Tát, gần giống Bồ Tát, không phải là Bồ Tát thật, thế nhưng họ đối với Bồ Tát đạo, đối với Bồ Tát hạnh chân thật rất ngưỡng mộ, rất muốn học, cũng rất muốn thành tựu.

Có thể ở ngay trong một đời này thành tựu hay không? Đó chính là người xưa đã nói: *“Luôn ở duyên ngộ không đồng”*, xem bạn gặp được là cái duyên gì. Nếu như duyên rất thù thắng gặp được Bồ Tát thật, bạn theo học với họ, gặp được đạo tràng chánh pháp, gặp được thiện tri thức, bạn cùng chí hướng, ba loại duyên đều đầy đủ. Bạn xem, thầy tốt, bạn đồng tu tốt, lại có được nơi chốn tu học tốt, thì quyết định thành tựu. Thế nhưng ba điều kiện này chân thật không dễ dàng gì đạt được. Có được nơi chốn tu học rất tốt, nhưng không có lão sư, không có người chỉ đạo, vậy thì khó. Có lão sư tốt, không có bạn đồng tu tốt, bạn cũng không thể thành tựu. Lão sư chỉ đường, không dẫn đường. Chỉ bạn phương hướng, chỉ bạn mục tiêu, chỉ thị cho bạn, thế nhưng đi đường thì nhất định phải có bạn. Mấy người bạn tốt cùng nhau đi, trên đường đi chăm sóc lẫn nhau, quan tâm lẫn nhau, bạn không cảm thấy cô độc, không cảm thấy vắng vẻ, cũng không sợ đi sai đường. Có người cùng nhau bàn tính kỹ lưỡng sẽ không đi sai đường, chắc chắn thành tựu. Ba loại nhân duyên này đầy đủ, từ xưa đến nay đều rất là hiếm được.

Cho nên tu hành điều kiện căn bản phải có phước, phải có huệ, còn phải có duyên, ba cái thiếu một cũng không được. Có huệ mà không có phước, không có duyên thì không thể thành tựu. Có duyên không có phước huệ cũng không thể thành tựu. Mọi thứ luôn phải đầy đủ. Làm thế nào đầy đủ? Chúng ta không tu không được, cho nên phải hiểu được tu phước, hiểu thân tôn sư, bố thí tu phước, phải biết tu huệ. Tu huệ là phải tu tâm thanh tịnh. Trong hai đến sáu thời chúng ta gọi là ngày đêm, phải làm cho tâm chính mình định lại, ít phiền. Người ít phiền não là người có trí tuệ, mãi mãi giữ gìn được đầu óc tỉnh táo. Người tại vì sao không thanh tịnh? Thực tế mà nói, nhân tố thứ nhất khiến không thanh tịnh chính là tự tư tự lợi. Mỗi niệm đều nghĩ đến lợi ích của chính mình, tâm của họ làm sao thanh tịnh? Mỗi niệm nghĩ không chế, muốn chiếm hữu đối với tất cả người sự vật là sai rồi, như vậy tâm của họ không thanh tịnh, họ không có trí tuệ. Duyên này rất quan trọng.

Học “Đệ Tử Quy”, học “Cảm Ứng Thiên” người duyên sẽ tốt. Muốn duyên tốt, điều kiện thứ nhất chính là chính mình phải làm ra công hiến. Phải chân thật học biết yêu người khác, quan tâm người khác, chăm sóc người khác, giúp đỡ người khác, duyên của bạn liền tốt. Bạn yêu mến người khác, người khác yêu mến bạn, *“người yêu người thường được người yêu, người kính người thường được người kính”*. Bạn ưa thích giúp người khác, người khác ưa thích giúp bạn, duyên sẽ tốt. Việc này quan trọng hơn bất cứ thứ gì.

Chúng ta xem xã hội hiện tại này, phụ tử không duyên. Con cái vì sao không hiếu thuận phụ thân? Phụ thân không dạy con cái cho tốt, không làm ra tấm gương tốt cho con cái. Trẻ nhỏ từ khi sanh ra đến dần dần lớn lên, chúng vừa sanh ra là đang học tập. Chúng tuy là không biết nói chuyện, nhưng chúng biết nhìn, chúng biết nghe, cho nên cha mẹ là thầy giáo chủ nhiệm thứ nhất của trẻ nhỏ. Từ khi sanh ra đến ba tuổi, một ngàn ngày này gọi là giáo dục cắm gốc. Bạn cắm cho chúng là cái gốc gì, vấn đề này chẳng phải đã tìm ra được rồi sao? Bạn không cắm cho chúng cái gốc được tốt, bạn không có làm ra kiểu dáng hiếu thuận cho chúng xem. Bạn có thể hiếu thuận cha mẹ của bạn, trẻ nhỏ của bạn xem thấy, tương lai chúng liền sẽ hiếu thuận với bạn. Bạn không hiếu thuận cha mẹ, không nghe lời cha mẹ, trẻ nhỏ xem thấy, tương lai chúng cũng sẽ không nghe lời bạn, cũng không hiếu thuận bạn, chẳng phải là đạo lý này sao? Gọi là oan oan tương báo, nhân quả báo ứng, không hề sót lọt chút nào. Hiện tại trẻ nhỏ không dễ dạy, không nghe lời. Tôi gặp được rất nhiều đồng tu, cha mẹ trẻ tuổi đến nói với tôi, trẻ nhỏ không dễ dạy. Còn có một số thầy giáo, lão sư trung tiểu học, xem thấy tôi liền nói học trò không dễ dạy. Nguyên nhân gì vậy? Bạn tưởng tượng xem nền tảng giáo dục cho chúng là gì?

Trẻ nhỏ hiện tại giáo dục nền tảng là truyền hình, khi sanh ra mắt vừa mở chính là xem truyền hình. Những thứ diễn ra trong truyền hình là gì? Sắc tình bạo lực, sát đạo dâm vọng, chúng đều học hết rồi, ba tuổi thì chúng học hết rồi. Khi vào trường học, hiện nay đi học dùng vi tính; hiện tại ở Đài Loan cũng đang là như vậy. Tôi vào hai ba mươi năm trước ở Hoa Kỳ, học sinh tiểu học của Hoa Kỳ đã dùng vi tính. Năm thứ nhất thì chúng đã dùng vi tính, trong vi tính ngoài khóa mục của chúng học ra, chúng còn mở xem tiết mục ở trên mạng. Tiết mục ở trên mạng thì càng đáng sợ hơn, còn đáng sợ hơn truyền hình, chúng đã học thuộc rồi. Cho nên tỉ lệ phạm tội của thanh thiếu niên Hoa Kỳ nhiều đến như vậy. Trẻ nhỏ giết cha mẹ, giết thầy giáo, giết bạn học. Có một số trẻ nhỏ gần như là phát cuồng vậy, thấy người thì giết, giết đến sau cùng thì tự sát. Thật khác thường! Những

khác thường này không phải không có nguyên nhân. Có nguyên nhân nhưng mọi người không tìm thấy nguyên nhân này. Lão tổ tông chúng ta biết được. Lão tổ tông ngày trước gần như không có người nào không biết.

Xã hội có vấn đề thì vấn đề ở chỗ nào vậy? Giáo dục có vấn đề. Bao gồm thiên tai nhân họa, thiên tai nhân họa do đâu mà ra? Cũng là từ giáo dục mà ra. Giáo dục xảy ra vấn đề mới có thể có thiên tai, mới có thể có nhân họa. Nhân họa là chiến tranh. Cho nên những người ngưỡng mộ Bồ Tát này, thông thường chúng ta gọi là người mộ đạo, ngưỡng mộ đạo đức, họ ở ngay trong đại chúng, ngay trong quần chúng rộng lớn chính mình giác ngộ, đồng thời lại có thể giúp người khác giác ngộ, đây gọi là giác tha. Không luận thân phận của họ là như thế nào, họ ở cương vị công tác như thế nào, họ đều có thể dùng vô số phương tiện khéo léo để giúp đỡ người, để người giác ngộ, đây gọi là hành Bồ Tát đạo.

Chúng sanh có cảm, Phật có ứng, cũng chính là nói chúng sanh có cảm, chúng ta tự tánh tâm thanh tịnh liền ứng. Cái gọi là quả vị cứu cánh Phật Đà là gì? Chính là *“tự tánh tâm thanh tịnh”*. Thiên văn chương này đoạn thứ nhất đã nói: *“Tự tánh tâm thanh tịnh viên minh thể”*, đó chính là cứu cánh Phật quả, nó sẽ ứng.

Câu thứ nhất chính là: ***“Hữu tình sở chứng Bồ Tát thân dã, Bồ Tát tùy bỉ tâm chỉ sở lạc, tức dĩ tự thân hiện chúng sanh thân, nãi chí hư không thân dã”***.

Ở ngay trong đây bớt đi một câu, ở đoạn trước chúng ta đã đọc qua, câu đó là gì? Khí giới thân. ***“Khí thể gian nãi chí hư không thân”***. Hư không thân gọi là hiện tượng tự nhiên, khí giới thân gọi là cây cối hoa cỏ, núi sông đất đai, đây là khí thể gian, thấy đều năng hiện. Trên thực tế hiện tiền là cái thân gì? Không hề nhất định. Chân thật là trong Đại Thừa giáo thường nói, Phật không có định pháp có thể nói. Phật cũng không có thân tướng nhất định. Cho nên hiện ra thân tướng như thế nào, hiện ra phương tiện khéo léo như thế nào là do người mà có khác biệt, do thời mà có khác biệt, do đất mà có khác biệt, do tâm tướng của chúng sanh mà có khác biệt, đích thực là không thể nghĩ bàn! Đây là nói: *“Dung tam thể lý diện hiện Bồ Tát thân”*.

Chúng ta xem tiếp đoạn sau.

Thứ bảy: “Như Lai thân”.

“Nhu Lai thân giả, vị thừa như thật đạo, lai thành chánh giác, vị Như Lai thân dã”.

“Nhu Lai”, ý nghĩa của hai chữ này rất sâu. “Nhu” là nói chân như, chính là tự tánh, là từ trên thể mà nói. “Lai” là từ trên tướng mà nói. Có thể có dụng. “Lai” là hiện tướng ra. Tướng từ nơi đâu mà có? Tướng là từ chân như mà có, không có chân như thì làm gì có ra tướng? Từ chân khởi vọng, vọng không lìa chân. Bao gồm tất cả hiện tượng đều là từ trong chân như biến hóa mà hiện ra. “Kinh Hoa Nghiêm” nói: *“Duy tâm sở hiện”*, tâm chính là chân như. “Tâm” này phàm phu chúng ta không hiểu. Trong văn tự Trung Quốc là một cách viết, cũng là một cách niệm, ý nghĩa không giống nhau. Đại đức xưa nói với chúng ta, “tâm” này gọi là chân tâm. Chúng ta hiện tại cái tâm này thì sao? Khởi tâm động niệm, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đó gọi là vọng tâm. Vọng tâm không thể hiện cảnh giới, thể nhưng vọng tâm có thể biến, có thể làm cho cảnh giới sanh ra thay đổi. Nó không thể hiện, nhưng nó có thể biến, cho nên nói: *“Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*. Thức chính là vọng tâm; vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều gọi là thức. Vọng tưởng là A Lại Da Thức. Phân biệt là đệ lục ý thức. Chấp trước là mạt na thức. Thức có thể thay đổi hình tướng, nhưng nó không thể hiện tướng. Tâm cùng thức phải làm cho rõ ràng. Tâm năng hiện. Tâm, chúng ta vĩnh viễn không cách gì thể hội được, vì sao vậy? Sáu căn không tiếp xúc được. Vì sao vậy? Nó không phải tâm pháp. Bạn không tiếp xúc được. Nó không phải tâm pháp, nó không phải sắc pháp, nó năng hiện tâm pháp, năng hiện sắc pháp. Sắc và tâm đều là nó hiện, là thật, vĩnh hằng bất biến. Đại Sư Huệ Năng nói: *“Nào ngờ tự tánh, vốn không sanh diệt”*, nó không sanh không diệt, nó sở hiện, sở biến. Hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất là có sanh diệt, sát na sanh diệt.

Sát na là hình dung từ, chúng ta không cách gì hiểu rõ, chỉ hiểu được sát na là thời gian rất ngắn, ngắn đến mức độ nào? Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta, một khảy móng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Một niệm là một sanh diệt, chính là một khảy móng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn cái sanh diệt. Trong cái sanh diệt này có vật chất, có tinh thần, cho nên Ngài nói: *“Mỗi niệm thành hình, hình đều có thức”*. Hình chính là hình trạng, chính là vật chất. Mỗi niệm có hiện tượng vật chất xuất hiện, bao gồm hết thấy hiện tượng vật chất thấy đều có hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần chính là “kiến-văn- giác-tri”, bạn nói xem nhanh đường nào! Bồ Tát Di Lặc nói được rất hay, Ngài nói cái thức này quá vi tế, không thể nào chấp trì. Không chỉ chúng ta không cách nào chấp trì, Phật Bồ Tát cũng không cách nào, tốc độ của nó quá nhanh.

Khoa học hiện đại chúng ta, đơn vị nhỏ nhất của thời gian đều dùng giây, một giây đồng hồ, còn Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta là một khảy móng tay, ngắn hơn một giây. Một giây đồng hồ chúng ta đại khái có thể khảy được bốn lần, nhân bốn thì một giây có mấy phần? 1.280 triệu phần trong một giây. Một giây có bao nhiêu phần sanh diệt? Có 1.280 triệu lần sanh diệt. Bạn làm sao có thể chấp trước, bạn làm sao có thể muốn đạt được nó, không cách gì, nó quá nhanh. Chúng ta nghĩ đến điện ảnh. Điện ảnh hiện tại đều dùng số liệu, điện ảnh của trước đây là dùng phim nhựa, dễ dàng hiểu được. Ở đây tôi có một cuộn phim, là đồng tu tặng cho tôi, là phim nhựa của điện ảnh, một cách khoảng là một tấm phim. Nếu như chúng ta có màn bạc, dùng máy chiếu phim chiếu lên, là tĩnh, từng tấm từng tấm là không động. Thế nhưng nó ở trong ánh đèn máy chiếu tốc độ nhanh, nhanh đến mức độ nào vậy? Một giây hai mươi bốn tấm. Ông kính vừa mở ra một tấm lọt vào, xem thấy một tấm, lập tức đóng lại, lại mở ra xem thấy tấm thứ hai. Một giây đóng mở hai mươi bốn lần, chiếu ra hai mươi bốn tấm, chúng ta liền cảm thấy nó là động, liền bị nó gạt rồi.

Hiện tại Phật nói với chúng ta, vũ trụ hiện tại này của chúng ta, những cảnh quang này một giây có bao nhiêu tấm? Một giây có 1.280 triệu tấm. Cho nên bạn không biết nó là giả, bạn cho rằng nó là thật. Điện ảnh có hai mươi bốn tấm, bạn đã bị nó lừa rồi, cho rằng nó là thật. Hiện tại Phật nói với chúng ta, tình trạng hiện tại của chúng ta là 1280 triệu tấm, mỗi tấm đều là tĩnh, không có động. Nếu bạn chân thật hiểu rõ chân tướng sự thật này, bạn mới biết được trong Phật pháp thường nói: *“Tất cả pháp không sanh, tất cả pháp không diệt”*, sanh diệt không hai. Nếu dùng Kinh văn này của chúng ta là *“tức sanh tức diệt”*, sanh diệt không hai, đây là chân tướng. Sau khi hiểu rõ chân tướng, bạn sẽ đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước buông bỏ, vậy thì chúc mừng bạn, bạn hoàn nguyên rồi, “vọng tận hoàn nguyên”. Vừa hoàn nguyên thì bạn liền chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, bạn liền thành Phật. Hoàn nguyên thì thành Phật, thành Phật thì hoàn nguyên, việc này chính là như vậy.

Chúng ta ngay đời này không dễ dàng. Ngay đời này được thân người, nghe Phật pháp, nghe đến “Kinh Hoa Nghiêm” thù thắng đến như vậy, đem áo mật của vũ trụ đều nói hết cho chúng ta nghe, vấn đề là bạn có tin tưởng hay không. Nếu như bạn dùng phương pháp của khoa học gia hiện tại, hoài nghi, cầu chứng, vậy thì xong rồi, công đức lợi ích thù thắng trong Phật pháp như vậy ngay đời này bạn không có hy vọng. Nếu như bạn tin vào thánh giáo, Phật nhất định không có vọng ngữ với chúng ta, quyết không lừa gạt chúng ta, chúng ta tin tưởng lời của

Phật là chân thật. Nhà Phật nói: “*Vạn pháp giai không*” chính là nói đạo lý này. Nó không tồn tại, bao gồm tất cả hiện tượng là huyễn tượng, như mộng huyễn bào ảnh. Chúng ta phiền phức ở chỗ nào? Chúng ta đem nó xem là thật, cho rằng nó là thật, bị thiệt thòi lớn. Cho rằng nó là thật có, liền muốn khống chế nó, muốn chiếm hữu nó. Không chế chiếm hữu hiện rõ ra tự tư tự lợi, đó là tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp, cũng giống như trên “*Kinh Địa Tạng*” đã nói: “*Chúng sanh Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm thấy đều là nghiệp, thấy đều là tội*”. Diêm Phù Đề là địa cầu này của chúng ta, những chúng sanh này “*khởi tâm động niệm thấy đều là nghiệp, thấy đều là tội*”. Nghiệp là gì vậy? Nghiệp là bạn khởi tâm động niệm là thiện, bạn tạo ra là nghiệp thiện, bạn thọ báo ở ba đường thiện. “*Thấy đều là tội*”, bạn tạo ra là ác nghiệp, tương lai quả báo của bạn là ba đường ác. Hai câu nói này nói rõ sáu cõi luân hồi là bạn tự làm tự chịu, do vậy mà ra. Bạn chính mình đã tạo nghiệp, bạn ở ngay trong đó oan oan tương báo, không hề kết thúc, thật khổ! Nếu như chân thật hiểu rõ vạn pháp giai không, sẽ không còn bất cứ ý niệm nào.

Tiên sinh Viên Liễu Phàm cùng Thiền sư Vân Cốc ngồi ở trong thiền đường ba ngày ba đêm, không khởi tâm không động niệm, ông có bản lĩnh gì? Thiền sư Vân Cốc hiểu kỳ hỏi ông: “*Việc này người thông thường không làm được, tại vì sao anh có thể làm được*”? Ông nói: “*Mạng của tôi được người khác đoán định rồi, hai mươi năm qua mỗi năm đều giống y như những gì ông ấy đã nói, không một chút sai biệt nào, tất cả đều đã được định đặt hết rồi, tôi còn nghĩ tưởng làm gì, không nghĩ nữa*”. Nếu như chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này, bạn liền có thể vào đại định, khải định siêu vượt A La Hán. Định của A La Hán là định tầng thứ chín. Các vị phải nên biết, Tứ thiền bát định là thiền định thế gian. Tứ thiền là trời Sắc giới, Tứ không là trời Vô Sắc Giới, định thứ chín là siêu việt sáu cõi, đến pháp giới Bốn Thánh. Bạn phải nên biết: “*Vạn pháp giai không*”, phía sau vẫn còn một câu: “*Nhân quả bất không*”. Đây là thật, không phải là giả. Nhân quả lúc nào thì có? Vào lúc nào có vũ trụ, có vạn vật, có nhân quả? Nhân quả cùng vũ trụ và sinh mạng đồng thời xuất hiện. Đây là chân tướng sự thật, việc này không phải là giả. Những sự việc này chỉ có Phật pháp nói được rõ ràng, nói được tường tận. Chúng ta sau khi học rồi phải tin tưởng, sau khi tin rồi phải buông xả. Buông xả chấp trước, phân biệt, vọng tưởng.

Trước tiên học không chấp trước. Buông xả “cái ta” quá khó, cho nên tôi nhiều năm đến nay dạy người, việc đầu tiên tôi dạy người buông xả cái gì? Buông xả đối lập. Ta không đối lập với người, vậy thì rất tự tại. Không đối lập với bất

cứ người nào, không đối lập với việc, không đối lập với tất cả vạn vật, tâm tánh của chúng ta là hài hòa, là viên dung. Tâm trạng như vậy thì rất tự tại. Phải nên biết, có đối lập thì nhất định có mâu thuẫn, có mâu thuẫn nhất định sẽ có xung đột, có xung đột nhất định sẽ có đấu tranh, càng ngày càng nghiêm trọng. Hóa giải xung đột phải hóa giải từ nội tâm của chính mình, phải bắt tay vào chỗ không đối lập với tất cả người sự vật. Hài hòa với tất cả người, hài hòa với tất cả việc, hài hòa với thiên địa vạn vật, hòa vi quý. Hài hòa an vui đến như vậy, hạnh phúc đến như vậy, cho nên hạnh phúc là chính mình kiến tạo nên, không phải do người khác mang đến. Mong cầu người khác là sai rồi, mong cầu chính mình thì đúng. Nghiệp chướng là chính mình tạo ra. Hà tất đi tạo ra tội nghiệp? Tại vì sao không tạo ra hạnh phúc? Không đối lập, hạnh phúc liền đến, đó là gốc của hạnh phúc. Đối lập liền biến thành nghiệp chướng. Bạn thấy giữa một niệm. Đây là nói Như Lai. Ý nghĩa của hai chữ này, trên “Kinh Kim Cang” có hai câu nói rất hay.

Câu thứ nhất nói: “*Như Lai giả, như cổ Phật chi tái lai*”. Đây chính là nói, Phật hiện tại cùng Phật quá khứ không hề khác nhau, vì sao vậy? Phật quá khứ buông xả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, các Ngài thành Phật rồi, “Vọng Tận Hoàn Nguyên”. Phật hiện tại, ngày nay các Ngài mới thành Phật, các Ngài cũng buông xả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, các Ngài cũng “Vọng Tận Hoàn Nguyên”. Không có trước sau, không có xưa nay, không có lớn nhỏ, chân thật như cổ Phật tái sanh, đây là ý nghĩa thứ nhất.

Thứ hai là: “*Như Lai giả, chư pháp như nghĩa*”. Ý nghĩa này nói được rất sâu. Ý nghĩa của Như Lai, chúng ta phía trước đã nói, “Như” là thể, “Lai” là hiện tượng. Nói Như Lai giả “*chư pháp như nghĩa vạn sự vạn vật*”, thể đều là chân như tự tánh, không có pháp nào là ngoại lệ. Ý nghĩa này sâu, nói rõ cả thấy vũ trụ, vạn sự vạn vật cùng chính mình là một thể. Ở trên câu nói này giác ngộ, khẳng định rồi, đó chính là trong Đại Thừa giáo nói, bạn chứng được pháp thân. Trong Đại Thừa giáo Phật thường nói, mười phương ba đời chư Phật cùng đồng một pháp thân. Phía sau chúng ta sẽ nói đến. Ý nghĩa của hai chữ Như Lai này, tôi chỉ lượt nói qua đến chỗ này.

Phía sau nói: “***Vị thừa như thật đạo, lai thành chánh giác***”. “Thừa như thật đạo”; “như thật đạo” chính là phía trước chúng ta đã nói, một thể hai dụng. Một là “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”. Một cái động niệm này liền có hai loại hiện tượng xuất hiện. Thứ nhất là y báo xuất hiện, thứ hai là chánh báo xuất hiện. Chúng ta nói chuyện, không cách gì đem y báo chánh báo dung hòa thành một, nhưng trên thực tế là đồng thời xuất hiện, chúng ta nói thì luôn là nói có trước có

sau. Y báo xuất hiện, chánh báo xuất hiện, hoặc giả nói chánh báo xuất hiện, y báo xuất hiện đều có thể được, đồng thời xuất hiện. Đây chính là “*Thừa Như Lai đạo, lai thành Chánh Giác*”.

“*Vi Như Lai thân dã*” đây chính là thành Phật, thông thường chúng ta gọi là chứng quả thành Phật. “*Bồ Tát tùy chư chúng sanh tâm chi sở nhạo, tức dĩ Như Lai thân tác tự thân*”. Chúng ta chỉ nói đến một câu này, đây là người thế nào vậy? Thích Ca Mâu Ni Phật ba ngàn năm trước hiện cái thân này, ở Ấn Độ thị hiện thành Phật. Trước giai đoạn này, Ngài là con trai lớn của vua Tịnh Phạn. Mười chín tuổi Ngài rời khỏi cung đình, ra đi cầu học, đến ba mươi tuổi ra ngoài cầu học mười hai năm. Mười hai năm, trong thời gian đó, gần như bao gồm chuyên gia học giả, Ngài đều tham học qua, đều đến học tập với họ. Con người này hiếu học, ký tánh tốt, ngộ tánh cao, cho nên sau mười hai năm thì không còn chỗ nào để học, lại không tìm được lão sư, thế nhưng vấn đề của Ngài chưa được giải quyết. Ngài đem mười hai năm học được buông xả, vào thiền định sâu hơn. Khi vừa vào định, nghi hoặc của Ngài được giải quyết. Nghi hoặc này người thông thường hiện tại chúng ta cũng đều có, đặc biệt là khoa học gia, triết học gia, thậm chí đến các nhà thần học đều có. Vũ trụ từ đâu mà có? Ta từ đâu mà có? Thiền Tông Trung Quốc thời xưa có một câu thoại đầu: “*Mặt mũi trước khi cha mẹ chưa sanh ra*”, không phải chỉ cha mẹ ngay đời này. Người học Phật đều biết ta có đời quá khứ, còn có đời quá khứ của quá khứ, quá khứ vô cùng, vị lai vô tận, đây là hiện tượng trong sáu cõi. Vô thi kiếp về trước khi cha mẹ chưa sanh ra ta, ta từ nơi đâu mà có? Hiện tại chúng ta biết được tâm hiện thức biến. Chúng ta nghe Phật nói, chúng ta nghe được quen tai rồi, chúng ta cũng có thể nói ra, thế nhưng không phải cảnh giới của chính mình, chính mình chưa chứng được, đây là cảnh giới của chư Phật Như Lai.

Hiện tại chúng ta quan trọng nhất là hành chứng. Hành là gì vậy? Hành là buông xả. Ở ngay trong cuộc sống thường ngày, ngay trong công việc, đối với người với vật buông xả. Từ chỗ nào mà buông xả? Chúng ta không thể nói được quá cao, quá cao thì làm không tới, chúng ta buông xả từ đối lập, buông xả từ mâu thuẫn, buông xả từ xung đột, đây là rất hiện thực. Buông xả tự tư tự lợi, buông xả danh vọng lợi dưỡng, buông xả năm dục sáu trần, buông xả tham-sân-si-mạn. Thành tâm thành ý phụng hành giáo huấn của thánh nhân, của Phật Bồ Tát, chăm chỉ nỗ lực phải làm cho được. Bắt đầu làm từ chỗ nào? Bắt đầu từ hiếu thuận cha mẹ, từ tôn kính lão sư. Cha mẹ lão sư là ân nhân to lớn của chúng ta. Trong Phật pháp nói được rất nhiều, thân mạng của chúng ta có được là nhờ cha

mẹ, làm sao có thể không hiểu thuận? Huệ mạng của chúng ta, trí tuệ có được là nhờ ở lão sư, cho nên lão sư là cha mẹ pháp thân của chúng ta, thân thiết hơn bất cứ thứ gì, hiểu thân tôn sư. Chúng ta tu hiểu đạo, tu kính đạo này, ở nơi cha mẹ, lão sư rất dễ dàng thành tựu. Sau khi thành tựu dùng vào chỗ nào vậy? Dùng ở đối với tất cả mọi người, đối với tất cả mọi việc, đối với tất cả vạn vật, chúng ta đều biết tận hiếu, tận kính. Hiếu cùng kính là đại căn đại bản bao gồm tất cả tánh đức. Luân thường, Bát đức đều là từ trong hiếu kính mà ra. Không có cái gốc này thì luân thường, bát đức thấy đều không có. Chúng ta từ chỗ này mà học thì được rồi.

Cho nên Bồ Tát tùy chúng sanh tâm chi sở nhạo, tức dĩ Như Lai thân tác tự thân. Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa ở đời đã làm ra loại thị hiện này. Như Quán Thế Âm Bồ Tát trong ba mươi hai ứng thân đã nói: *“Đáng dùng thân Phật để độ thị hiện ra thân Phật mà vì đó nói pháp”*. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện ra là thân Phật, ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp. Quay nhìn lại xem Trung Quốc chúng ta, vào triều nhà Đường, Đại sư Huệ Năng - lục tổ của Thiền Tông, Ngài thị hiện cho chúng ta đáng dùng thân Tỳ Kheo để độ thị hiện ra thân Tỳ Kheo mà vì đó nói pháp. Trên thực tế, Ngài bình đẳng với Thích Ca Mâu Ni Phật, không có trước sau, không có lớn nhỏ, đều là cứu cánh viên mãn Phật. Bởi vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của các Ngài thấy đều đoạn hết, “vọng tận đều hoàn được nguyên”. Còn có hiện thân chúng sanh, như phía trước tôi đã nêu ra thí dụ với các vị, Lão hòa thượng Hư Vân bái Ngũ Đài Sơn trên đường đi bị bệnh, gặp được một người ăn xin, người ăn xin đó chính là hiện thân chúng sanh. Người ăn xin đó là ai? Bồ Tát Văn Thù. Bồ Tát Văn Thù sớm đã thành Phật, Ngài hiện ra thân chúng sanh, đáng dùng thân gì để độ thị hiện ra thân đó để độ. Thế Tôn, Đại Sư Huệ Năng là ứng thân, ứng hóa thân. Chính là các Ngài cũng đến đầu thai, trụ thế hết mấy chục năm, giống hệt như người thông thường chúng ta gọi là ứng thân. Lão hòa thượng Hư Vân bị bệnh ở giữa đường gặp được người ăn xin này là hóa thân. Ngài chỉ đến giúp đỡ bạn, chăm sóc cho bạn hết bệnh thì không thấy nữa, thì không còn, đây thuộc về hóa thân, các Ngài cũng làm thân chúng sanh. *“Nãi chí hư không thân”*. Ngài sau mỗi một câu đều có hư không thân, dùng hiện tượng tự nhiên để giúp bạn giác ngộ, để thành toàn Phật quả của bạn.

Bảy loại phía trước đều nói được rất cụ thể, ba loại phía sau thì nói được tương đối trừu tượng. Chúng ta xem qua thứ tám.

Thứ tám là “Trí thân”.

“Trí thân giả vị trí tuệ viên minh, nhất thiết chư pháp giai năng quyết liễu vì trí tuệ thân dã”.

Trí tuệ là trong tự tánh vốn sẵn đầy đủ, trí tuệ không phải do học mà có được. Các vị phải nên biết, có thể từ bên ngoài mà học được là trí thức, không phải trí tuệ. Trí tuệ thì không thể học được, trí tuệ là gì vậy? Phiền não của bạn, chương ngại của bạn hoàn toàn trừ bỏ, buông xả hết, tâm thanh tịnh của bạn hiện tiền. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng chính là trí tuệ, cho nên trí tuệ là vốn có. Phật ở trong “Kinh Hoa Nghiêm” nói được rất hay, Ngài nói: *“Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng Như Lai”*. Nói hay đến như vậy! Tất cả chúng sanh là bao gồm chúng ta ở trong đó, không có ai ở ngoài, đều có trí tuệ giống như chư Phật Như Lai, đức năng đức hạnh năng lực giống như vậy, tướng hảo giống như vậy. Tướng hảo giống như Thế giới Cực Lạc, như Thế giới Hoa Tạng, vì sao vậy? Đây là trong tự tánh vốn có. Khi Đại Sư Huệ Năng khai ngộ nói: *“Nào ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ”*, đầy đủ cái gì? Chính là đầy đủ tướng hảo đức năng trí tuệ, không hề có chút kém khuyết nào.

Tại vì sao hiện tại chúng ta biến thành ra như thế này? Phía sau Phật nói ra một lời rõ hết, chỉ bởi *“vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc”*. Phật đem gốc bệnh của chúng ta nói ra hết rồi, chúng ta có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, cho nên trí tuệ đức năng trong tự tánh không thể nào hiển lộ ra. Trên thực tế vẫn đang hiển lộ, nhưng biến chất rồi, vì sao vậy? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là thức, thức biến, đem vô lượng vô biên trí tuệ biến thành cái gì? Biến thành phiền não. Trong Đại Thừa giáo có một câu nói: *“Phiền não tức Bồ Đề”*, rất có đạo lý. Trong trí tuệ tự tánh, thêm vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì trí tuệ liền biến thành phiền não, phiền não vô lượng vô biên. Trong đức năng nếu như thêm vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì tạo nghiệp. Tại vì sao tạo nghiệp? Trong tướng hảo lại thêm vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì biến thành sáu cõi luân hồi. Đây là chân tướng sự thật. Chúng ta biết đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước bỏ đi, đó chính là pháp giới nhất chân.

Cho nên hành chứng, hành cái gì? Hành là hành vi. Khởi tâm động niệm là hành vi của tâm, ngôn ngữ là hành vi của miệng, tạo tác là hành vi của thân, dùng thân ngữ ý thì thấy đều đem hành vi bao gồm trong đó. Không luận khởi lên ý niệm gì, động cái ý niệm gì, không luận mở miệng nói ra là cái gì, chỉ cần trong khởi tâm động niệm lời nói việc làm không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì trí tuệ viên minh liền hiện tiền. Cho nên hành cái gì? Hành là buông xả.

Trong Phổ Hiền Hạnh Nguyên phẩm “Sám Trừ Nghiệp Chương”; “sám” là rõ ràng tường tận, thông suốt thấu đáo chính mình làm sai rồi, “trừ” chính là buông xả, nghiệp chương liền không còn, liền hồi phục thành trí tuệ đức tướng vốn đủ trong tự tánh. Cho nên khi tôi hai mươi sáu tuổi bắt đầu học Phật, đây cũng xem là rất trẻ mới gặp được, lúc đó chân thật cảm thấy đau lòng, tại vì sao không gặp ở tuổi mười sáu, mà đến hai mươi sáu mới gặp được? Cho nên trong lòng tôi khấn nguyện, lần đầu tiên gặp mặt Đại sư Chương Gia, tôi liền thỉnh giáo với Ngài. Tôi nói, Lão sư Phương đã giảng cho con nghe sự thù thắng của Phật pháp, con tường tận, con hiểu được, con xin thỉnh giáo Đại sư có phương pháp gì có thể làm cho con rất nhanh khế nhập vào được hay không? Tôi cũng hỏi được rất hay. Đại sư Ngài trả lời tôi: “*Nhìn thấu, buông xả*”. Vào lúc đó tôi nửa hiểu nửa không hiểu. Ngài là Mật Tông thượng sư, không bảo tôi học Kinh giáo, không hề bảo tôi tham thiền, không bảo tôi đọc chú, không hề bảo tôi niệm Phật, bảo tôi ngắn gọn “nhìn thấu buông xả”. Lời nói này mãi đến khi tôi học “Kinh Hoa Nghiêm”, khi giảng “Hoa Nghiêm” tôi mới tường tận, chân thật tường tận Ngài không có gạt tôi. Tôi vừa hỏi bí quyết trong Phật pháp Ngài liền nói với tôi, không giữ lại chút nào.

Thế nhưng tôi vào lúc đó cũng hỏi, con nên bắt tay vào từ chỗ nào? Đại Sư Chương Gia không giảng sâu cho tôi, chỉ nói với tôi “bồ thí”. Bồ thí chính là buông xả, dạy tôi bồ thí tài, bồ thí pháp, bồ thí vô úy. Việc này rất hiện thực. Hiện tại người trong xã hội này, có người nào không nghĩ đến tiền? Mọi người đều nhìn đến tiền. Tiền từ nơi đâu mà có? Từ bồ thí mà có. Trong mạng của bạn có tiền của, tại vì sao có tiền của? Trong đời quá khứ hoan hỷ dùng tiền bồ thí, thì ngay trong đời này tài khó trong mạng của bạn liền đầy đủ. Sự việc chính là như vậy. Trong đời quá khứ không có tu tài bồ thí, ngay đời này bạn muốn phát tài, có nghĩ thế nào, có dùng phương pháp gì bạn cũng không thể phát tài được, vì trong mạng không có. Nếu trong mạng có, không nghĩ bất cứ thứ gì, không luận làm bất cứ việc gì đều phát tài, trong mạng có mà. Cho nên “*Vạn ban giai thị mạng, bán điểm bất do nhân*”, trong mạng không có, cưỡng cầu cũng cầu không được. Nếu như cầu được thì quyết không phải là việc tốt, họa hại hay tai nạn liền theo đó mà đến, đó không phải là việc tốt. Bạn hiểu được đạo lý này, bạn sẽ không cưỡng cầu.

Thông minh trí tuệ là do bồ thí pháp mà được, khỏe mạnh sống lâu bồ thí vô úy mà được. Tiền của, thông minh trí tuệ, khỏe mạnh sống lâu là quả, quả ắt có nhân. Tu nhân nhất định được quả, đây là việc bình thường. Không tu nhân mà

hy vọng được quả thì tai nạn liền theo đến, vậy là sai rồi. Đạo lý này không thể không hiểu. Người hiểu rồi thì tâm sẽ định. Cho nên nói: “*lý đắc tâm an*”. Đạo lý hiểu rõ rồi, tâm liền an, không có vọng tưởng. “*Lạc thiên tri mạng*”, con người này sống được hạnh phúc, sống được tự tại.

Mạng có thể thay đổi hay không? Có thể thay đổi. Bạn hiểu được đạo lý này, bạn liền có thể thay đổi. Cải đổi bằng cách nào? Ta đoạn ác, ta tu thiện. Chân thật muốn cầu tài, cầu thông minh trí tuệ, cầu khỏe mạnh sống lâu, ta ngày ngày tu bố thí. Bố thí viên mãn được tiền của viên mãn. Chỗ này nói được có đạo lý. Ta muốn được tiền tài to, ta lại không có tiền, ta làm sao bố thí? Bạn một tháng chỉ có thể kiếm được hai trăm đồng, bạn có thể đem một trăm đồng đi bố thí, bố thí của bạn là một phần hai trong toàn bộ tài sản của bạn, vậy phước báo của bạn to lớn không gì bằng. Dùng so sánh mà tính. Một xí nghiệp to lớn kia, đại tài chủ, họ có tài sản ức vạn, họ bố thí mấy mươi vạn, mấy trăm vạn, mấy ngàn vạn, đó chỉ là một sợi lông của chín trâu, họ bố thí được rất ít, cho nên phước báo đời sau họ có được là không nhiều, không nhiều bằng bạn. Vì sao vậy? Bạn bố thí là một phần hai, họ bố thí chỉ là một phần trăm, họ làm sao so được với bạn. Bạn hiểu rõ được đạo lý này, ông trời thật là công bằng. Không phải người giàu đời đời kiếp kiếp đều giàu, người nghèo đời đời kiếp kiếp đều nghèo. Ngay đời này là người giàu, họ bố thí không được nhiều như vậy, đời sau họ bị giáng xuống. Bạn ngay đời này là người nghèo khó chịu bố thí, mang ra một phần hai, thậm chí hai phần ba, tám phần mười, chín phần mười vậy thì còn gì bằng, bạn đời sau là đại phú hào. Chiếu theo phần trăm mà so, chiếu theo tâm lượng mà so, ông trời thật công bằng. Cho nên trí tuệ viên mãn quang minh, tất cả các pháp đều có thể giải quyết. Đây gọi là trí tuệ thân.

Trí tuệ thân ở trong Đại Thừa giáo gọi là báo thân. Báo thân là nói trí tuệ thân, báo thân của Như Lai. Đối với tất cả pháp thế xuất thế gian, ở trong Đại Thừa giáo dùng sáu chữ đem nó bao gồm hết: “*Tánh tướng, sự lý, nhân quả*”, sáu chữ này thấy đều bao gồm hết. Tánh là tự tánh, pháp tánh. Tướng là pháp tướng, tướng là từ tánh sanh. Trong tướng có lý có sự. Trong sự lý có nhân có quả. Sáu chữ này thấy đều bao gồm hết. Trí tuệ hiện tiền không có thứ nào không tường tận. Phật Đà ở đời tuổi tác không xem là quá lớn, ba mươi tuổi khai ngộ. Sau khi khai ngộ, không luận là thân phận thế nào, không luận là từ nơi công việc nghề nghiệp nào, bạn có khó khăn thì thỉnh giáo với Ngài, Ngài đều có thể dạy bạn. Ngài dường như là vạn sự thông, không có vấn đề nào có thể làm khó được Ngài dù Ngài chưa từng học qua. Nguyên nhân gì vậy? Trí tuệ khai rồi. Cả đời của

Ngài Lục tổ Đại Sư Huệ Năng không có đi học, không nghe qua một thời giảng Kinh nào, nhưng bạn lấy Phật Kinh hỏi Ngài, không luận Kinh gì, bạn đọc cho Ngài nghe, Ngài liền giảng cho bạn nghe. Ngài không biết chữ, nhưng Ngài biết giảng, có thể giảng cho bạn khai ngộ. Nguyên nhân là gì vậy? Ngài có trí tuệ. Cho nên Vô Tận Tạng Tỳ Kheo Ni mang “Kinh Đại Niết Bàn” ra thỉnh giáo với Ngài, Ngài nói Ngài không biết chữ. Vô Tận Tạng Tỳ Kheo Ni cảm thấy rất kỳ lạ, liền hỏi Ngài, Ngài không biết chữ thì làm sao biết được đạo lý mà giảng được hay đến như vậy? Ngài nói việc này không liên quan gì đến biết chữ hay không biết chữ. Sự việc này, trí tuệ của bạn từ trong tự tánh vốn sẵn đầy đủ. Cho nên chúng ta phải nên biết, việc học hiện tại này gọi là tri thức, không phải là trí tuệ. Tri thức không nhất định có thể giải quyết được vấn đề, cho dù giải quyết vấn đề vẫn còn mang theo rất nhiều di chứng đằng sau. Trí tuệ có thể giải quyết được vấn đề, quyết định không có di chứng về sau.

Phật pháp cầu gì? Phật pháp cầu chính là trí tuệ. Bạn xem Phật pháp Đại thừa, mục tiêu học tập cuối cùng là gì? “A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Câu nói này cũng là dịch âm từ tiếng Phạn Ấn Độ, có thể dịch thành Trung Văn nhưng tại vì sao không dịch? Gọi là tôn trọng không dịch. Vì người học Phật cùng chung mục tiêu, dịch thành ý Trung Quốc có thể dịch là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Sáu chữ “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác” chính là danh hiệu của trí tuệ cứu cánh viên mãn. Thế nào là trí tuệ viên minh? Chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không có gì có thể so sánh được, đây là đến đỉnh điểm, viên mãn rồi. Cho nên thế xuất thế gian tất cả pháp họ đều có thể quyết đoán, đều có thể tường tận. Tự tánh vốn đủ, không nên hướng ra ngoài mà học. Đến lúc nào thì hiện tiền? Tâm thanh tịnh thì hiện tiền, tâm không thanh tịnh thì không thể hiện tiền. Tâm không thanh tịnh hiện ra là phiền não, tâm thanh tịnh hiện ra là trí tuệ.

Trên Kinh Phật thường hay dùng nước để làm thí dụ cho tâm. Bạn thấy nước khi thanh tịnh, trong sạch không có ô nhiễm, không có sóng gió, mặt nước bằng, thì nước giống như một mặt gương, tất cả cảnh giới bên ngoài thấy đều chiếu vào trong đó, bạn thấy được rõ ràng tường tận, gọi là tâm thanh tịnh sanh trí tuệ. Nếu như nước này bị vấy đục, không trong sạch ô nhiễm, lại có sóng gió, thì nó cũng chiếu nhưng chiếu được không rõ ràng, đó gọi là phiền não. Do đây có thể biết cái gì gọi là tu hành, làm thế nào hành chứng, chúng ta liền biết được rồi.

Trong đời sống tu tâm thanh tịnh, trong công việc tu tâm thanh tịnh, đối nhân xử thế tiếp vật thấy đều tu tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh dễ dùng, đều là trí tuệ.

Chúng ta vừa bị bên ngoài (bên ngoài gọi là sóng gió) nghe được lời nói của người, xem thấy bên ngoài liền khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm thì liền khởi lên sóng gió, lại muốn chiếm hữu, lại khởi lên “tham-sân-si-mạn” (tham sân si mạn là ô nhiễm), tâm của bạn như nước liền bị ô nhiễm, lập tức liền sóng động. Lúc này bạn xử lý sự việc liền không thỏa đáng, liền sanh phiền não. Không luận vào bất cứ lúc nào, bạn đều có thể giữ gìn tâm thanh tịnh thì thật tốt! Tâm thanh tịnh chiếu kiến, bạn xử lý sự việc đều rất thỏa đáng, không hề khác với chư Phật Bồ Tát, đây là trí tuệ thân.

“Bồ Tát tùy chư chúng sanh tâm chỉ sở nhạo, tức dĩ trí thân tác tự thân”.
Câu này chính là hiện báo thân.

“Diệt tác chúng sanh thân nãi chí hư không thân dã”. Tác báo thân ở vào lúc nào? Độ Bồ Tát Địa Thượng, hoặc giả là vì để độ pháp thân Bồ Tát, trên “Kinh Hoa Nghiêm” nói từ Sơ Trụ trở lên. Chư Phật Như Lai nhất định phải hiện trí thân, hiện báo thân, vì họ làm ra kiểu dáng tốt, vì sao vậy? Tập khí của họ chưa đoạn, giúp đỡ họ đoạn tập khí, thành tựu viên mãn thân.

Tốt rồi, hôm nay thời gian đã hết, chúng ta chỉ học tập đến đây. A Di Đà Phật!

Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán (tập 44)

Người giảng: Lão Pháp sư Tịnh Không

Thời gian: 11/06/2009

Địa điểm: Cao Hùng, Đài Loan

Cản dịch: Vọng Tây Cư Sĩ